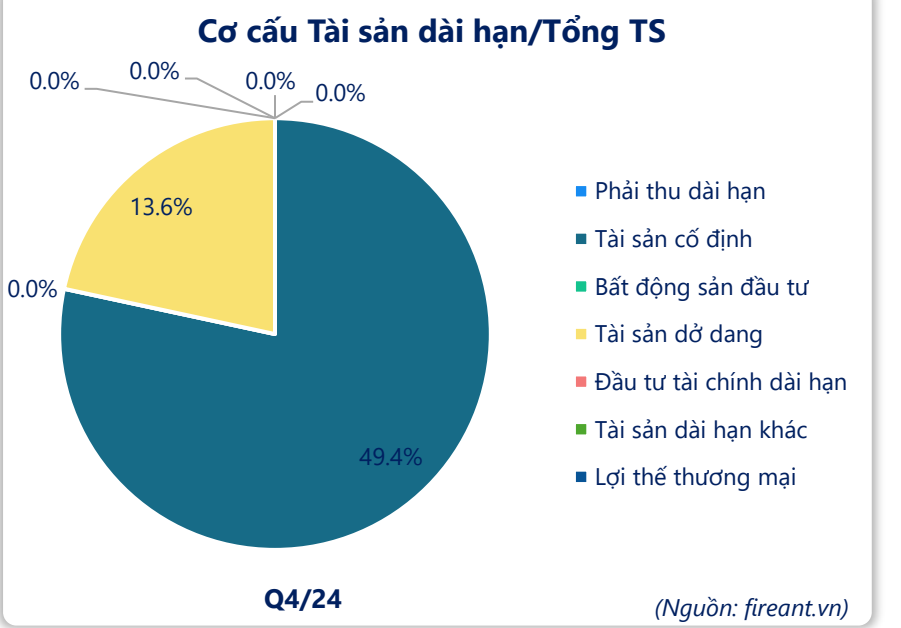
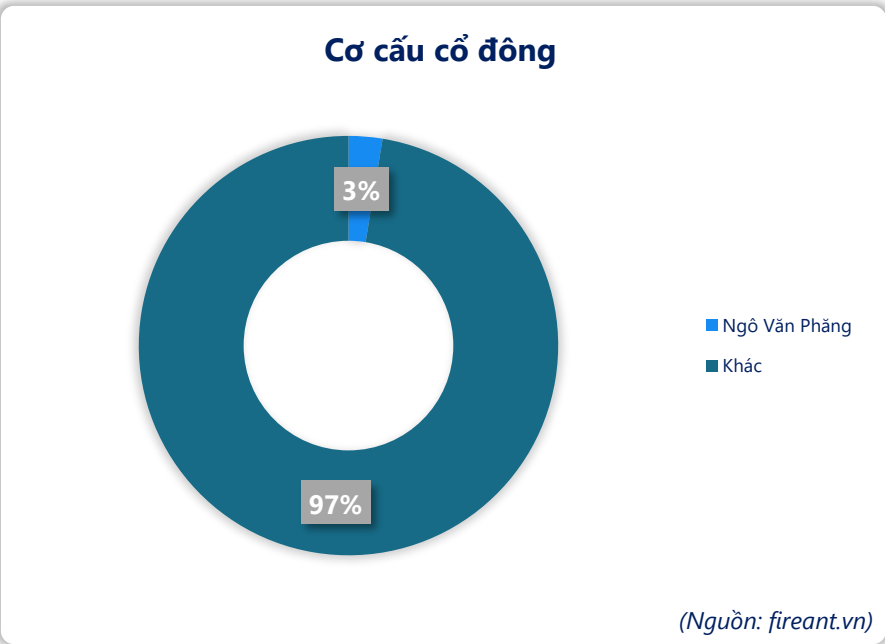
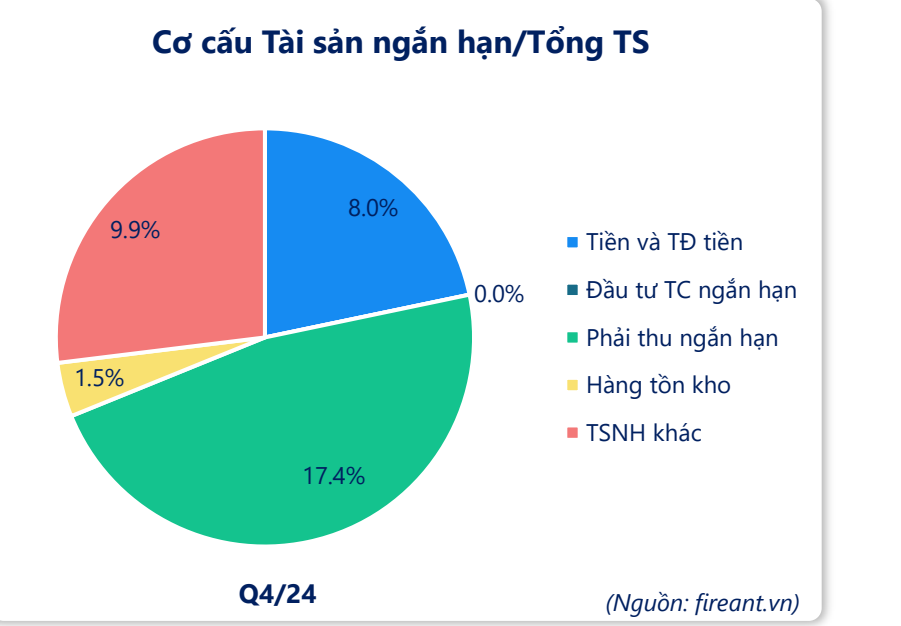
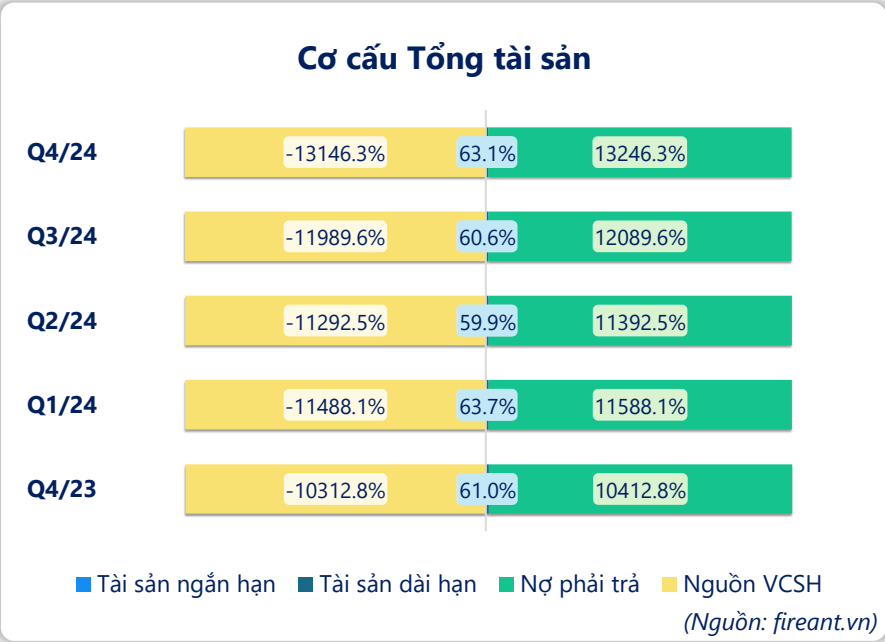
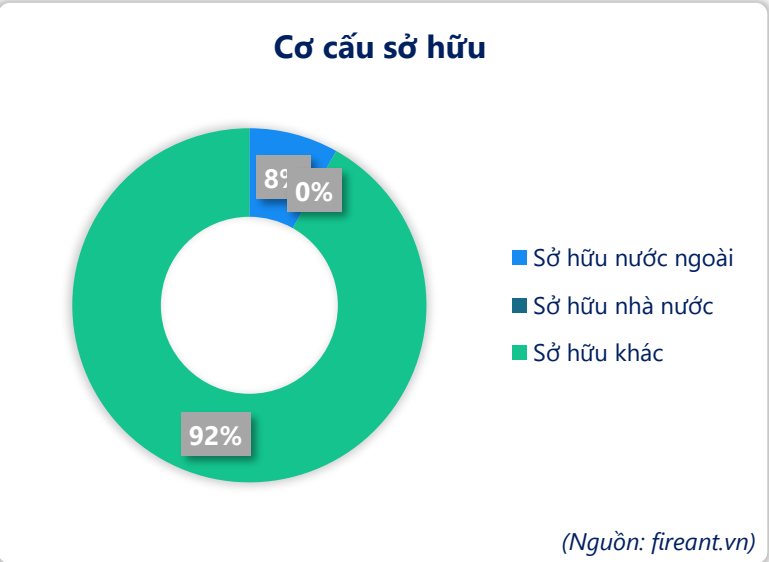
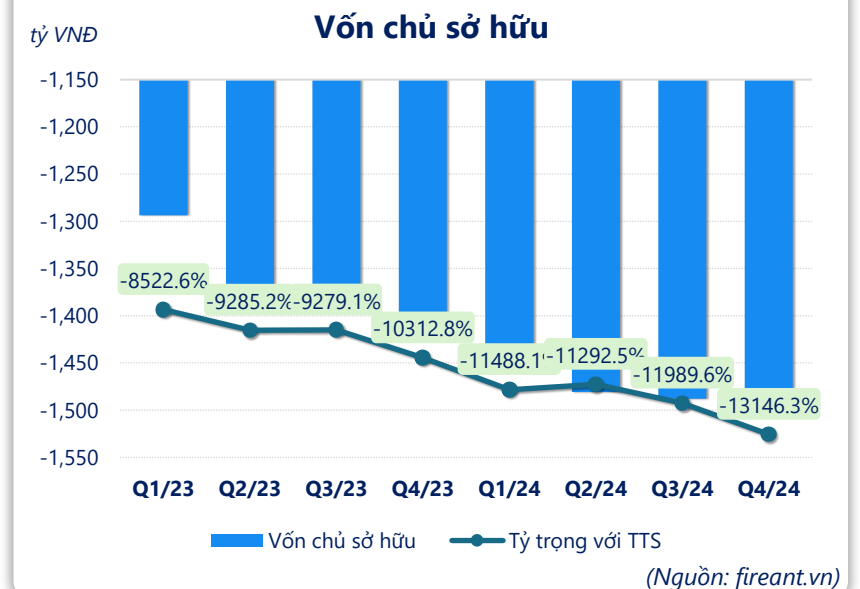
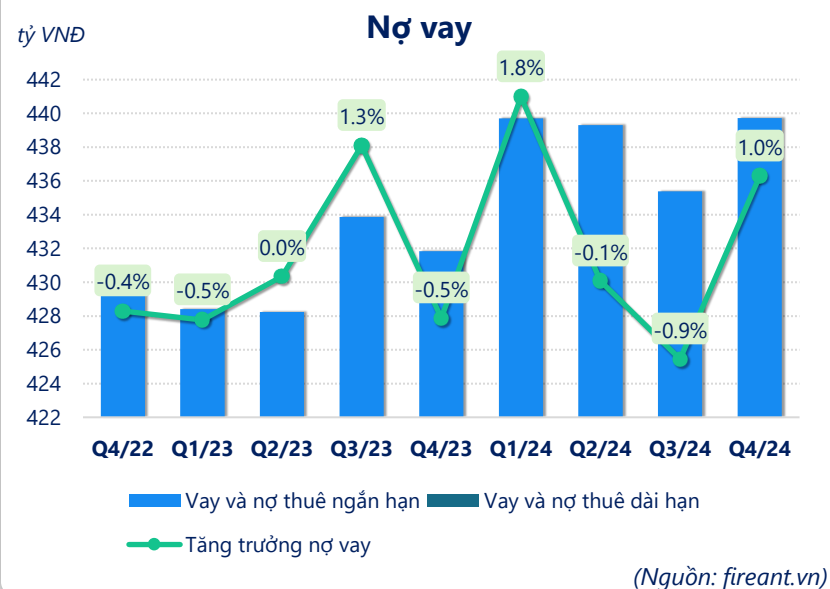
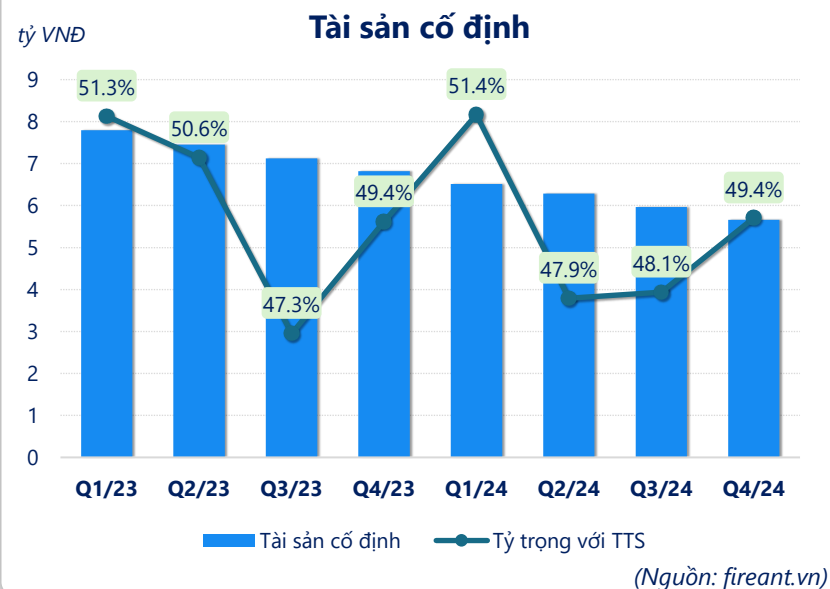
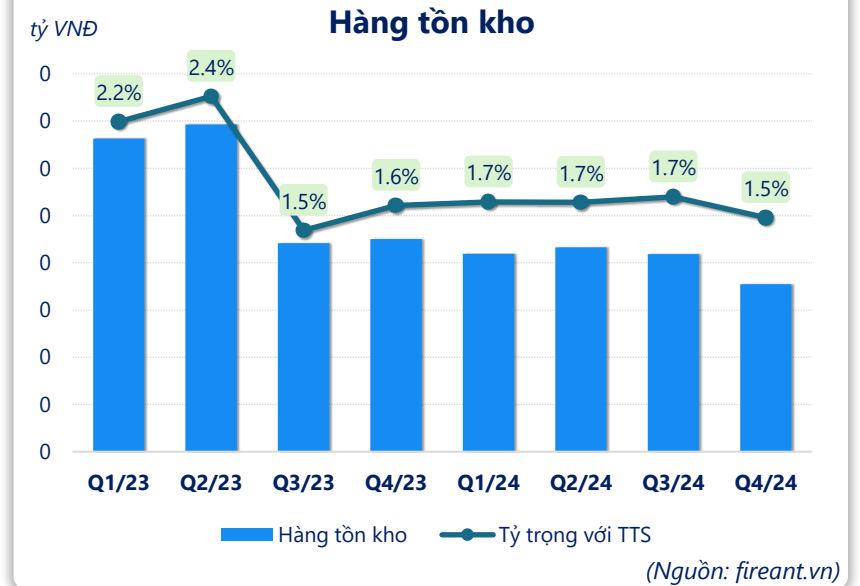
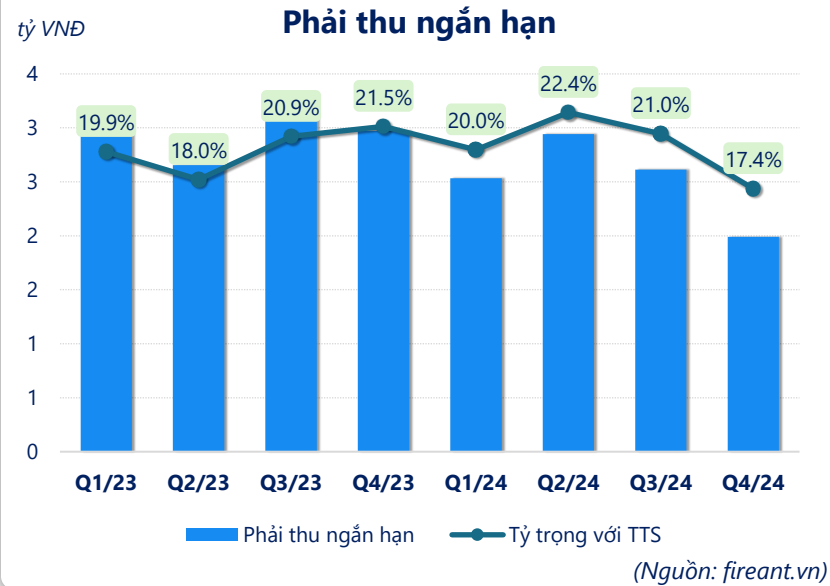
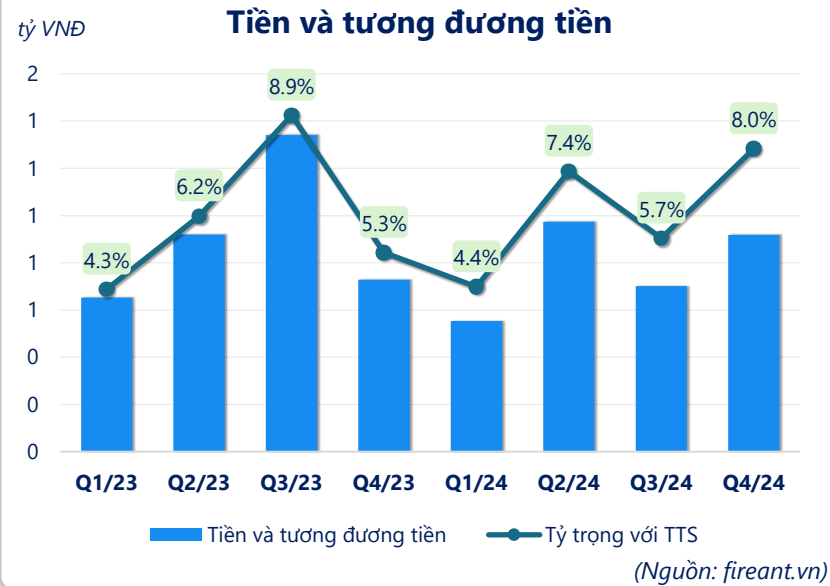
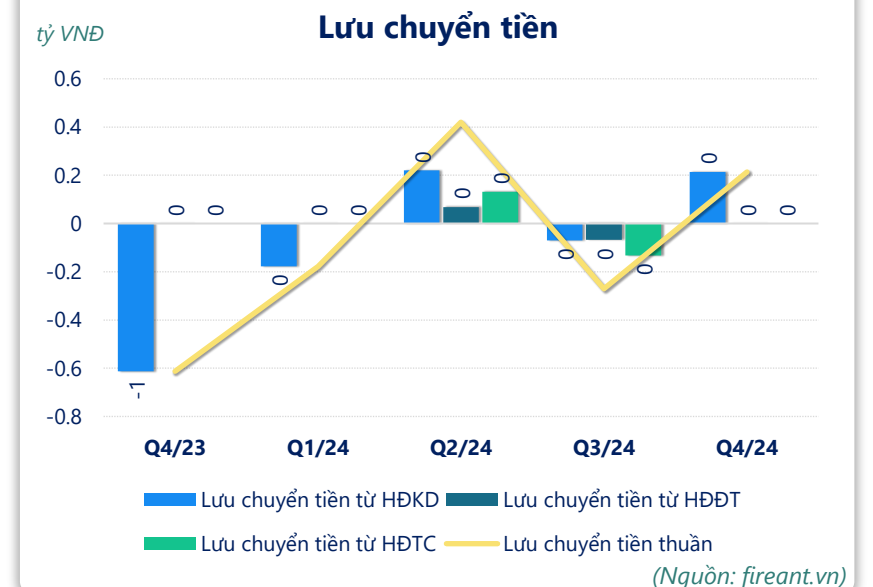
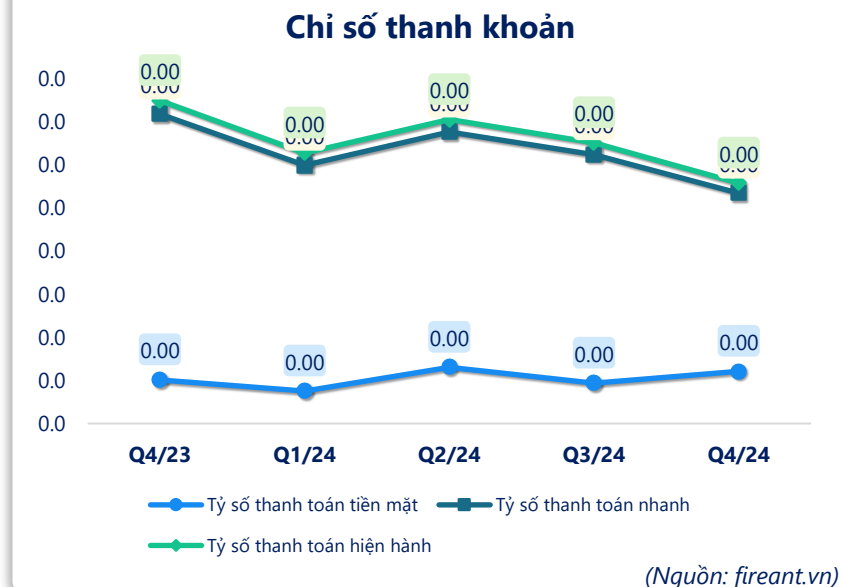
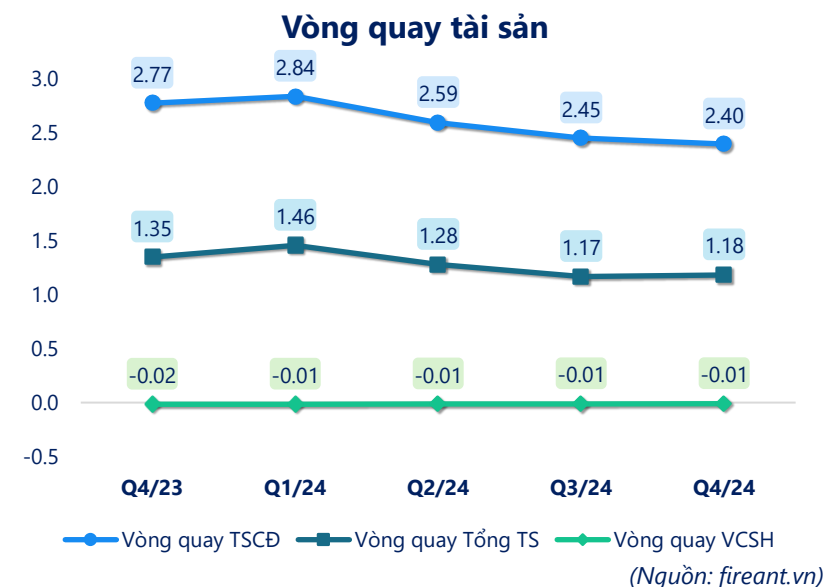
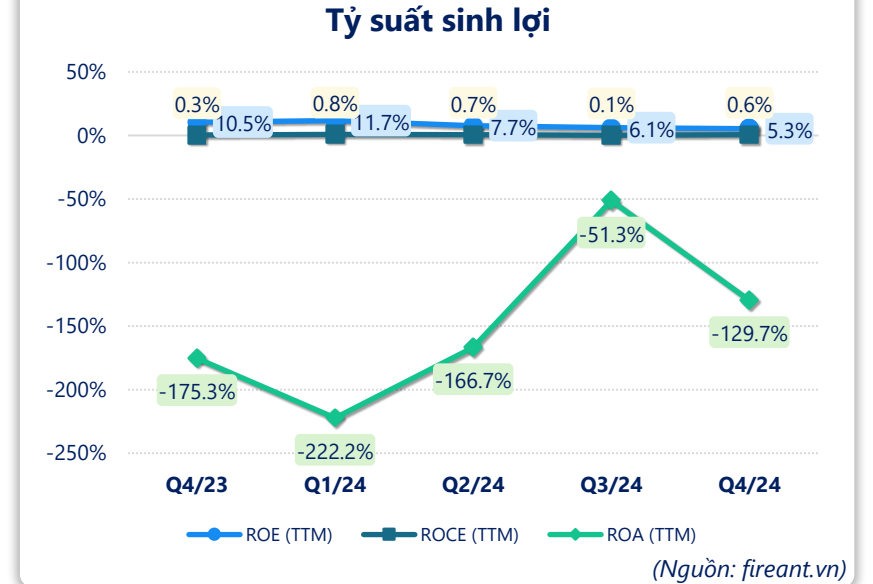
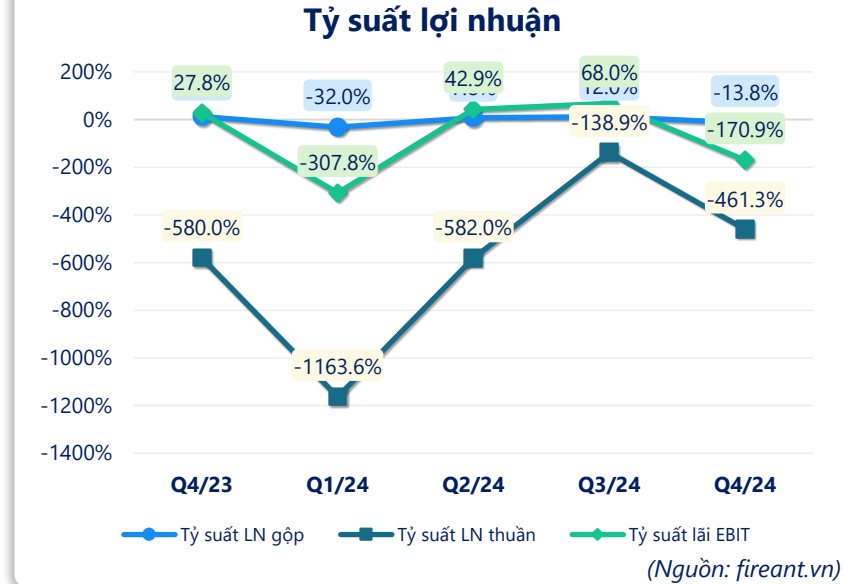
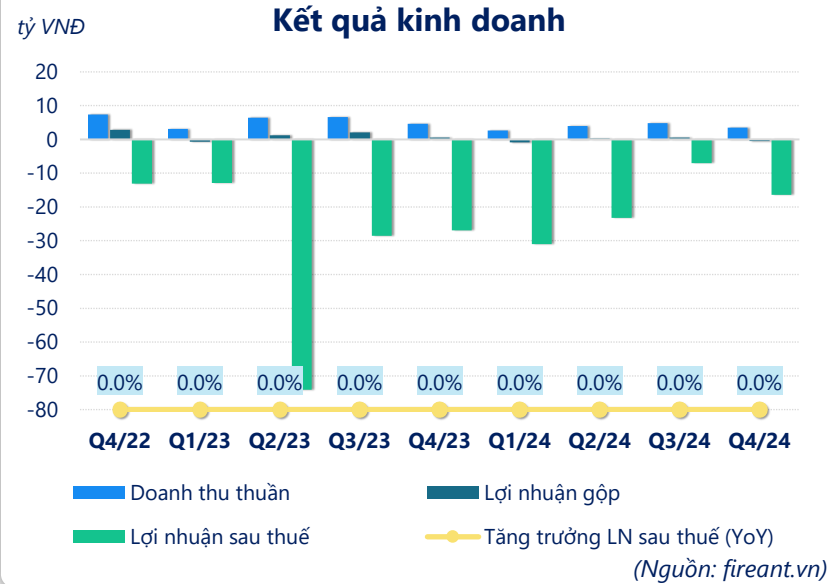


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		400
SL cổ phiếu LH		20,799,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)		620
% sở hữu nước ngoài		8.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10
P/E		-0.1
EPS		-3,731

	YTD	1T	3T	6T
CAD		0.0%	0.0%	-50.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	11.4	13.8	-16.8%
Tài sản ngắn hạn	4.22	5.38	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	0.92	0.73	26.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.99	2.97	-33.0%
Hàng tồn kho	0.18	0.23	-21.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.14	1.46	-21.9%
Tài sản dài hạn	7.22	8.38	-13.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.66	6.82	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.56	1.56	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,516	1,440	5.3%
Nợ ngắn hạn	1,515	1,439	5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	440	434	1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.7	24.1	2.6%
Nợ dài hạn	1.07	1.08	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-1,504	-1,426	-5.5%
Vốn chủ sở hữu	-1,504	-1,426	-5.5%
Vốn điều lệ	208	208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	4.60	2.64	3.94	4.86	3.50
Giá vốn hàng bán	4.02	3.48	3.63	4.28	3.99
Lợi nhuận gộp	0.58	-0.84	0.31	0.58	-0.48
Doanh thu HĐTC	2.04	0.00	0.00	3.94	0.00
Chi phí TC	28.3	29.0	22.6	10.5	14.8
Chi phí lãi vay	28.2	22.8	24.9	10.4	10.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	0.04	0	0	0
Chi phí QLDN	0.88	0.81	0.62	0.82	0.84
LN thuần từ HĐKD	-26.7	-30.7	-22.9	-6.75	-16.2
Lợi nhuận khác	-0.28	-0.28	-0.29	-0.30	-0.21
LN trước thuế	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05	-16.4
Lợi nhuận sau thuế	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05	-16.4
LNST của CĐ cty mẹ	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05	-16.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.61	-0.18	0.22	-0.07	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.07	-0.07	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.13	-0.13	0
Tiền đầu kỳ	1.34	0.73	0.55	0.97	0.70
Lưu chuyển tiền thuần	-0.61	-0.18	0.42	-0.27	0.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.73	0.55	0.97	0.70	0.92

(Nguồn: fireant.vn)